

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/DS - ST**

Ngày: 07/4/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Đương
2. Bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST – DS, ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý, theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 7x, Tòa nhà V, Số 78 D, Q. C, Tp. Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Bùi Nguyên Th - chức vụ: chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC theo văn bản ủy quyền số 304/2021/UQ-LCC-KHCN2 ngày 31/3/2021 của ông Phạm Tuấn A.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm: 1971
Bà Đặng Thị N, sinh năm 1973

Cùng HKTT tại: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Văn K; sinh năm 1963;

Bà Nguyễn Thị M (M); sinh năm 1976;

Cùng KHTT tại : Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người được bà M (M) ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Đặng Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(có mặt ông Th, ông K, ông T; vắng mặt bà N, ông Đ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng ông Bùi Nguyên Th trình bày:

Ông Phạm Ngọc Đ và vợ là bà Đặng Thị N vay của VPBank, theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng vay thẻ tiêu dùng số 221-P-110249 ngày 07/01/2017 số tiền vay là 57.000.000 đồng, ngày giải ngân 05/9/2017, mục đích vay: mua sắm đồ gia dụng, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150%. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà N đã trả ngân Hàng số tiền gốc là 26.275.293 đồng. Đến ngày 28/10/2017 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 28/10/2017, tạm tính đến ngày 13/10/2021 số ngày quá hạn là **1447 ngày**, số tiền còn nợ gồm: tiền gốc: 30.724.707 đồng; tiền lãi và lãi phạt chậm trả 69.037.994 đồng. Tổng cộng: 99.762.701 đồng.

Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LD1701901585 ngày 07/01/2017. Ngân hàng cho ông Đ, bà N vay số tiền 200.000.000 đồng với mục đích khoản vay: Bổ sung vốn kinh doanh gia khí dầu mỏ hóa lỏng, bếp ga, đồ điện tử, chăn ga, gối đệm, hàng tạp hóa. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay: 30%/năm. Ngoài ra nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán phải chịu lãi suất 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán. Tính từ ngày 07/01/2017 đến ngày 07/10/2017, ông Đ, bà N đã trả cho ngân hàng số tiền là 73.332.710 đồng (gốc: 14.266.699 đồng, lãi: 59.066.011 đồng). Tuy nhiên, do ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 19/12/2017, tạm tính đến ngày 13/10/2021 số ngày quá hạn là **1395 ngày**, số tiền còn nợ gồm: tiền gốc: 187.261.122 đồng; tiền lãi và lãi phạt chậm trả 525.571.576 đồng,. Tổng cộng: 712.832.698 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LD1706501121 ngày 06/3/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) ký hợp đồng tín dụng số LD1706501121

với ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N. Theo đó ngân hàng cho ông Đ, bà N vay số tiền 445.000.000 đồng với mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh gia khí dầu mỏ hóa lỏng, bếp ga, đồ điện tử, chăn ga, gối đệm, hàng tạp hóa. Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên (từ ngày 06/3/2017 đến ngày 06/3/2018, theo khế ước nhận nợ lần 1 ngày 06/3/2017). Thanh toán hàng tháng vào ngày 24. Lãi suất vay: 12%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần với mức điều chỉnh 5.5%/năm. Ngoài ra nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán phải chịu lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Tính từ ngày 25/3/2017 đến ngày 25/10/2017, ông Đ, bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền là 45.756.959 đồng (tiền lãi). Kể từ 26/01/2018, ông Đ, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tạm tính đến ngày 13/10/2021 số ngày quá hạn là **1358 ngày**, số tiền còn nợ gồm: tiền gốc: 445.000.000 đồng; tiền lãi và lãi phạt chậm trả 390.325.935 đồng. Tổng cộng: 835.325.935 đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 433, tờ bản đồ số: 29; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số CG 784618, số vào sổ cấp GCN: BY 821202 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/08/2015 chủ sử dụng ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M). Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 124 - HĐTC, số công chứng 124 -HĐTC/ VPCCDNT, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/03/2017.

Tính đến ngày 13/10/2021, ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N còn nợ VPBank tổng số tiền theo các hợp đồng trên là: 1.647.921.334 đồng. Trong đó: nợ gốc: 662.985.829 đồng. Nợ lãi và lãi phạt chậm trả: 984.935.505 đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) yêu cầu Tòa án: Buộc bà Đặng Thị N và ông Phạm Ngọc Đ phải trả cho VPBank số tiền tính đến ngày 13/10/2021 là: 1.647.921.334 đồng (Trong đó: nợ gốc: 662.985.829 đồng; nợ lãi và lãi phạt chậm trả: 984.935.505 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 14/10/2021 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà bà N và ông Đ không trả nợ đầy đủ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho VPBank, cụ thể: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 433, tờ bản đồ số: 29; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; số CG 784618, số vào sổ cấp GCN: BY 821202 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/08/2015 chủ sử dụng ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M).

Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn không đủ để thu hồi

toàn bộ khoản nợ cho VPBank; VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Đặng Thị N và ông Phạm Ngọc Đ để thu hồi nợ cho VPBank.

Tại phiên tòa ông Bùi Nguyên Th trình bày bổ sung:

Ngày 18/3/2022 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) chấp thuận cho (ông K, bà M) chủ tài sản nộp tiền để giải chấp tài sản bảo đảm;

Ngày 28/3/2022 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) người được ủy quyền lại ông Bùi Nguyên Th có văn bản rút phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Lý do ông K, bà M đã nộp số tiền 1.000.000.000 đồng để giải chấp tài sản bảo đảm và được tất toán như sau:

Hợp đồng vay thế tiêu dùng số 221-P-110249 ngày 07/01/2017; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LD1701901585 ngày 07/01/2017; Hợp đồng tín dụng số LD1706501121 ngày 06/3/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) ký hợp đồng tín dụng số LD1706501121 với ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N. Do đó Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 433, tờ bản đồ số: 29; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; số CG 784618, số vào sổ cấp GCN: BY 821202 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/08/2015 chủ sử dụng ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M).

Yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Đặng Thị N và ông Phạm Ngọc Đ phải trả số tiền tính đến ngày 07/4/2022 là **702.162.128** đồng (trong đó: nợ gốc 0 đồng; nợ lãi: 474.537.903 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 227.624.225 đồng). Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí tố tụng nguyên đơn chấp nhận tự nguyện chịu khoản chi phí tố tụng này.

Về phía bị đơn, quá trình giải quyết vụ án ông Đ, bà N đều vắng mặt cho nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Đ, bà N. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại các biên bản xác minh với Ban Công an xã Q, Trưởng thôn L, xã Q đều xác nhận ông Đ, bà N vắng mặt tại địa phương và cũng không chuyển khẩu đi nơi khác. Việc ông Đ, bà N đi đâu và hiện nay đang ở đâu Ban công an xã và Ủy ban nhân dân xã Q không nắm được. Việc ông Đ, bà N thay đổi chỗ ở, địa chỉ không thông báo cho phía Ngân hàng VPBank biết.

Tại phiên tòa, ông K, ông T cùng trình bày: Ông K và bà M (Mai) đều xác nhận vào ngày 03/3/2017 vợ, chồng ông Đ, bà N có mượn ông, bà (K, M) nhà và đất, cụ thể toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 433, tờ bản đồ số 29, địa chỉ tại thôn L, xã Q,

huyện Q, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG784618 do UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/8/2015 mang tên ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M) để thế chấp vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), ông bà có ký tên trong hợp đồng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc bà N, ông Đ vay vốn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) với số tiền vay, mục đích vay, kỳ hạn, lãi suất, số tiền lãi đã trả như đại diện nguyên đơn ông Th đã trình bày là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank): Buộc bà N, ông Đ trả toàn bộ số tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), số tiền tính đến ngày 07/4/2022 là **702.162.128** đồng (trong đó: nợ gốc 0 đồng; nợ lãi: 474.537.903 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 227.624.225 đồng). Bà N, ông Đ còn phải thanh toán toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 08/4/2022 theo quy định của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cho đến khi thanh toán hết nợ vay. Về án phí: Bà N ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; chấp nhận việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện và chịu chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N có địa chỉ tại: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu ông Đ, bà N đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông Đ, bà N không chấp hành. Qua xác minh tại Công an xã Quỳnh Hồng, cơ sở thôn La Vân 3, Ủy ban nhân dân xã Q đều xác nhận hiện nay vợ, chồng ông Đ, bà N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Q, huyện Q. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất (ngày 18/3/2022) ông Đ, bà N vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai (ngày 07/4/2022), ông Đ, bà N tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ, bà N;

[2] Áp dụng pháp luật giải quyết:

Hợp đồng vay thế tiêu dùng số 221-P-110249 ngày 07/01/2017; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LD1701901585 ngày 07/01/2017; Hợp đồng tín dụng số LD1706501121 ngày 06/3/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) ký hợp đồng tín dụng số LD1706501121 với ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N; Hợp đồng thế chấp số 124 - HĐTC ngày 03/03/2017. Hợp đồng đảm bảo về hình thức, có đầy đủ chữ ký của các bên: Bên nhận thế chấp là Ngân hàng VPBank và bên thế chấp là ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M). Hợp đồng quy định cụ thể về nghĩa vụ được bảo đảm và thời hạn thế chấp, theo đó tài sản ông K, bà M thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các khoản phí, các khoản phạt, khoản bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác đối với khoản vay của ông Đ, bà N vay Ngân hàng VPBank thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu trả nợ gốc: Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức trả gốc và tiền lãi, tài sản bảo đảm được đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động theo Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo các Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng, có ký xác nhận thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định tại Điều 117, 118, 119 và 295 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, vì vậy các bên phải có trách nhiệm với các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Ngày 18/3/2022 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) chấp thuận cho (ông K, bà M) chủ tài sản nộp tiền để giải chấp tài sản bảo đảm;

Ngày 28/3/2022 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

người được ủy quyền lại ông Bùi Nguyên Th có văn bản đề nghị rút phần yêu cầu lý do ông K, bà M (M) đã nộp số tiền 1.000.000.000 đồng để giải chấp tài sản bảo đảm và được hạch toán thu nợ như sau:

Hợp đồng vay thẻ tiêu dùng số 221-P-110249 ngày 07/01/2017; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LD1701901585 ngày 07/01/2017; Hợp đồng tín dụng số LD1706501121 ngày 06/3/2017, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) ký hợp đồng tín dụng số LD1706501121 với ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N. Do đó Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 433, tờ bản đồ số: 29; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số CG 784618, số vào sổ cấp GCN: BY 821202 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/08/2015 chủ sử dụng ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M). Đây là sự tự nguyện, thỏa thuận của Ngân hàng với ông K, bà M (Mai), căn cứ Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên. Do Ngân hàng yêu cầu bà Đặng Thị N và ông Phạm Ngọc Đ phải trả số tiền tính đến ngày 07/4/2022 là **702.162.128** đồng (trong đó: nợ gốc 0 đồng; nợ lãi: 474.537.903 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 227.624.225 đồng. Như vậy, yêu cầu trả nợ gốc không phải giải quyết;

[3.2] Về yêu cầu trả nợ lãi, phạt chậm trả:

Theo Hợp đồng tín dụng số LD1701901585, bà N và ông Đ vay VPBank ngày 07/01/2017 lãi còn phải trả tính đến ngày 07/4/2022 số tiền lãi phải trả là 163.757.411 đồng; số tiền phạt chậm trả là 147.143.593 đồng; Theo hợp đồng tín dụng số LD1706501121, bà N và ông Đ vay VPBank ngày 06/03/2017 lãi còn phải trả tính đến ngày 07/4/2022 số tiền lãi phải trả là 310.780.492 đồng; số tiền phạt chậm trả là 80.480.632 đồng. Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc ông Đ, bà N phải trả nợ lãi, phạt chậm trả như các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[3.3] Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ông K, ông T đều trình bày đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền 1.000.000.000 đồng và đã nhận lại Giấy chứng nhận là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 433, tờ bản đồ số: 29; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; theo số CG 784618, số vào sổ cấp GCN: BY 821202 do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/08/2015 chủ sử dụng ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M). Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần đình chỉ yêu cầu này;

[4] *Về án phí và chi phí tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) được chấp nhận cho nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chấp nhận việc nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40; Điều 117, Điều 119, Điều 299, 302; Điều 323, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) đối với ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N về việc thực hiện Hợp đồng tín dụng số LD1701901585, bà N và ông Đ vay VPBank ngày 07/01/2017 lãi còn phải trả tính đến ngày 07/4/2022 số tiền lãi phải trả là 163.757.411 đồng; số tiền phạt chậm trả là 147.143.593 đồng và Hợp đồng tín dụng số LD1706501121, bà N và ông Đ vay VPBank ngày 06/03/2017 lãi còn phải trả tính đến ngày 07/4/2022 số tiền lãi phải trả là 310.780.492 đồng; số tiền phạt chậm trả là 80.480.632 đồng.

2. Buộc ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) tổng số tiền tính đến ngày 07/4/2022 là: **702.160.128 đồng** (Trong đó: nợ lãi: 474.537.903 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 227.624.225 đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/4/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 433, tờ bản đồ số: 29; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; số CG 784618, số vào sổ cấp GCN: BY 821202 do Ủy ban nhân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/08/2015 chủ sử dụng ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị M (M).

4. Về án phí: Ông Phạm Ngọc Đ và bà Đặng Thị N phải chịu 32.086.405 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) số tiền 27.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004475 ngày 07/10/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, ông K, bà M (Mai) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/4/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng